

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ;

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế;

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ NHẬT HẠNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 09/04/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Thị trấn Thọ Xuân, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 734 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5,
TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: 734 Võ Văn Kiệt, Phường 1, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0973333036;

E-mail: hanhln@ueh.edu.vn; lenhathanh@gmail.com; lenhathanh@yahoo.com

7. Quá trình công tác:

Từ năm 2003 đến năm 2014:

- Giảng viên, Bộ môn Quản trị kinh doanh (QTKD), Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh.

Từ năm 2014 đến năm 2015:

- Giảng viên, Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA), Khoa Kinh tế và QTKD, Trường Đại học Việt Đức.

Từ năm 2015 đến năm 2016:

- Giảng viên, Bộ môn Quản trị chiến lược, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.



Từ năm 2016 đến nay:

- **Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu**, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
- Thành viên Hội đồng Khoa học Khoa, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ hiện nay: **Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu**, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng bộ môn Phương pháp nghiên cứu**, Khoa Quản trị, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Cơ quan công tác hiện nay: **Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.**

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028.38295299

8. Đã nghỉ hưu: **Chưa**

9. Học vị:

- Được cấp bằng Đại học ngày 31 tháng 08 năm 1999, ngành: *Kinh doanh thương mại*, chuyên ngành: *Kinh doanh thương mại*. Số bằng: B18358. Nơi cấp bằng ĐH: *Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 17 tháng 12 năm 2003, ngành: *Kinh tế học*; chuyên ngành: *Kinh tế Phát triển*. Số bằng: 98-056. Nơi cấp bằng ThS: *Viện Khoa học Xã hội Hà Lan, The Hague – Hà Lan và Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh*, Việt Nam.
- Được cấp bằng Tiến sĩ tháng 05 năm 2013, ngành: *Quản trị kinh doanh*, chuyên ngành: *Marketing*. Nơi cấp bằng TS: *Đại học Trung ương Quốc gia*, Đà Loan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: **Chưa**

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐCDGS cơ sở: **Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

* *Kênh phân phối trong marketing*: Quản lý mối quan hệ với đối tác trong kênh phân phối marketing; Sự toàn cầu hóa của các kênh phân phối; Thương mại di động B2B trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Các nguồn lực trong hệ thống kênh phân phối.

* *Hành vi người tiêu dùng*: Cảm xúc, nhận thức, niềm tin, thái độ, và hành vi của

người tiêu dùng trước, trong, hoặc sau tất cả các hoạt động liên quan đến việc mua, sử dụng, và sau khi sử dụng hàng hóa và dịch vụ.

* *Marketing xanh*: Các lý thuyết khoa học về việc tích hợp marketing xanh trong doanh nghiệp; Lý thuyết giải thích hành vi xanh của người tiêu dùng.

* *Marketing kỹ thuật số*: Quảng cáo, phân phối, dịch vụ bán hàng tới khách hàng bằng cách sử dụng ứng dụng di động, truyền thông xã hội (YouTube, Facebook,...)

* *Quản trị thương hiệu*: Giá trị thương hiệu dựa vào khách hàng; Tính cách thương hiệu; Chiến lược phát triển thương hiệu ngân hàng, doanh nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

* Đã hướng dẫn thành công **35** học viên cao học viết và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ kinh tế, trong đó có **14** luận văn viết và bảo vệ bằng tiếng Anh.

* Đang đồng hướng dẫn **03** nghiên cứu sinh làm luận án tiến sĩ, trong đó:

- Hướng dẫn chính **01** NCS viết luận án bằng tiếng Anh;

- Hướng dẫn phụ **01** NCS viết luận án bằng tiếng Anh, đã bảo vệ ba chuyên đề 17/4/2019;

- Hướng dẫn phụ **01** NCS sẽ viết luận án bằng tiếng Anh.

* Đã chủ nhiệm và tham gia nghiên cứu **06** đề tài NCKH&CN các cấp, đang chủ nhiệm và tham gia **02** đề tài khác gồm:

- **Chủ nhiệm 01** đề tài NCKH&CN cấp Bộ GD&ĐT đã nghiệm thu ngày 24/04/2019.

- **Chủ nhiệm 01** đề tài NCKH&CN cấp cơ sở đã nghiệm thu (viết bằng tiếng Anh) đã nghiệm thu ngày 08/08/2018.

- **Chủ nhiệm 01** đề tài NCKH&CN cấp cơ sở (viết bằng tiếng Anh) chưa nghiệm thu.

- **Thành viên 03** đề tài NCKH&CN cấp Bộ, cấp Nhà nước và **01** đề tài NCKH cấp cơ sở đã nghiệm thu vào các ngày 01/11/2014; 24/4/2015; 05/02/2018; 27/02/2019.

- **Thành viên chủ chốt 01** đề tài NCKH&CN cấp Bộ KH&CN (NAFOSTED) chưa nghiệm thu.

* Đã công bố **45** bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học và kỷ yếu hội thảo quốc tế, quốc gia, gồm:

- Trước khi tốt nghiệp Tiến sĩ, tôi đã xuất bản **04** bài báo trên tạp chí thuộc danh mục SSCI và **01** bài trên tạp chí quốc tế khác.

- Sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ, tôi xuất bản **06 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục SSCI**, với một số tạp chí xếp hạng rất cao như *Journal of the Academy Marketing Science* (SSCI, Impact factor 2017: 8.488), *Journal of International Marketing* (SSCI, Impact factor 2017: 3.600), *International Journal of Advertising* (SSCI, Impact factor 2017: 2.494); **04 bài đăng trên tạp chí danh mục SCOPUS**; **04 bài đăng trên tạp chí quốc tế khác**; **01 bài đăng trên tạp chí Phát triển kinh tế số tiếng Anh**; **02 bài đăng trên tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á số tiếng Việt**; **06 bài đăng trên tạp chí Kinh tế và Phát triển số tiếng Việt**; **01 bài đăng trên tạp chí Nghiên cứu Kinh tế**; **02 bài trên tạp chí Khoa học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng**; **01 bài đăng trên Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý**.

- Cũng sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ, tôi có **13 bài đăng trên các Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế và quốc gia**, trong đó có 05 bài đăng trên hội thảo quốc tế tại Pháp, Indonesia và Việt Nam, viết bằng tiếng Anh.

* Đã tham gia xuất bản **09 cuốn sách**, gồm:

- **Viết một mình 01 cuốn sách** tham khảo;
- **Chủ biên 01 cuốn sách** chuyên khảo;
- **Đồng chủ biên 01 cuốn sách** chuyên khảo;
- Đồng tác giả **06 cuốn sách** chuyên khảo (trong đó 02 cuốn viết bằng tiếng Anh).

* **Sau đây là 5 công trình khoa học tiêu biểu nhất:**

1. **Le, A. Nhat-Hanh**, Dong, Mai Tran, Phong, Nguyen Dong, Cheng, J. Ming-Sung (2019), “Heterogeneity in a dual personal values-dual purchase consequences-green consumption commitment framework”, *Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics*, 31(2), 480–498 (SSCI, Impact factor 2017: 1.204).
2. Wesley, J., **Le, A. Nhat-Hanh**, Cheng, J. Ming-Sung (2018), “A Meta-analytic review of influence strategies in marketing channel relationships”, *Journal of the Academy of Marketing Science*, 46(4), 674–702 (SSCI, Impact factor 2017: 8.488).
3. Khalil, S., Wesley, J., **Le, A. Nhat-Hanh**, Cheng, J. Ming-Sung (2018), “Behavioral implications of international social media advertising – An investigation of intervening and contingency factors”, *Journal of International Marketing*, 26(2), 43–61 (SSCI, Impact factor 2017: 3.600).

4. **Le, A. Nhat-Hanh**, Do, B.R., Azizah, N., Dang, R.H.P, Cheng, J. Ming-Sung (2018), “Forces affecting perception of product comments on social-WOM: An interactive, relational communication perspective”, *Journal of Consumer Behaviour*, 17(4), 393–406 (SSCI, Impact factor 2017: 1.67).
5. Dao, W.V.T., **Le, A. Nhat-Hanh**, Cheng, J.M.S., Chen, D.C. (2014), “Social media advertising value: The case of transitional economies in Southeast Asia”, *International Journal of Advertising*, 33(2), 271–294 (SSCI, Impact factor 2017: 2.494).

15. Khen thưởng:

- Đạt danh hiệu **Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở trong 3 năm học từ 2016-2018** (các Quyết định số: 665/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 30/03/2017; 680/ QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 18/04/2018; 570/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 01/04/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).
- **Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2016-2017** (Quyết định số: 3431/QĐ-ĐHKT-TCHC ngày 14/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh) đối với bài báo trên tạp chí SSCI (*Journal of the Academy of Marketing Science*) có chỉ số ảnh hưởng đặc biệt cao (Impact factor 2017 = 8.488).
- **Giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế** (Quyết định số: 2846/QĐ-ĐHKT-NHSU ngày 08/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh).
- Liên tục được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến trong suốt các năm học.

16. Kỷ luật: **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

Với trên 16 năm nghiên cứu và giảng dạy, trong đó có **11** năm là giảng viên tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, **1,5** năm là giảng viên thâm niên (senior lecturer) tại Trường Đại học Việt Đức, và hơn **4** năm là giảng viên tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi luôn tự hào được đóng góp một phần công sức của mình cho công cuộc trồng người, phát triển của nền giáo dục nước nhà. Tôi luôn nhận được sự trợ giúp tận tình của các đồng nghiệp, thầy cô đi trước; luôn cố gắng để hoàn thiện

mình, tập trung vào công việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập, trau dồi tri thức. *Tôi tự đánh giá bản thân dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:*

* **Về phẩm chất đạo đức:** Tôi luôn chấp hành tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; gia đình nhiều năm là gia đình văn hóa; tuân thủ mọi nội quy, quy định của Trường, Khoa/Viện/Bộ môn nơi tôi công tác. Tôi luôn giữ gìn các phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học. Tôi không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị của một giảng viên.

* **Về công tác giảng dạy:** Tôi thực hiện giảng dạy bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh về chuyên ngành Quản trị kinh doanh cho các bậc đào tạo đại học (chính quy, chương trình tiên tiến và chất lượng cao, tài năng và chương trình quốc tế) và sau đại học (cao học, tiến sĩ). Tôi đã luôn cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp luận và giảng dạy để đem lại nội dung kiến thức phù hợp và tiên tiến nhất cho sinh viên/học viên các hệ; giảng dạy theo đúng mục tiêu, đề cương được phê duyệt. Tôi luôn giúp đỡ các sinh viên, học viên, NCS hoàn thành tốt công việc học tập và nghiên cứu. Tôi cũng đã được đào tạo đạt trình độ chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Cụ thể, các công việc giảng dạy của tôi như sau:

- Với bậc đại học và sau đại học trong nước: Tôi giảng dạy 3 môn học cốt lõi của chuyên ngành Quản trị kinh doanh cho các hệ đào tạo đại học (gồm *Quản trị học, Marketing căn bản, Hành vi người tiêu dùng*); 3 môn bắt buộc và tự chọn cho hệ cao học trong nước (gồm *Phương pháp nghiên cứu khoa học, Phương pháp định lượng dành cho quản trị và quản lý, Quản trị đổi mới và sáng tạo*); Tham gia giảng dạy học phần *Định lượng trong kinh doanh và quản lý* cho bậc tiến sĩ.

- Với các chương trình đại học tiên tiến, quốc tế: Tôi giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh môn học "*Consumer Behavior*" (*Hành vi người tiêu dùng*) và môn học "*Principles of Marketing*" (*Marketing căn bản*) cho chương trình Cử nhân tài năng của Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến nay; Môn học "*Consumer Behavior*" (*Hành vi người tiêu dùng*) và môn học "*Brand and Product Management*" (*Quản trị sản phẩm và thương hiệu*) cho Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh Western Sydney WSU-BBUS liên kết giữa trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Western Sydney, Úc từ năm 2014 đến nay; Môn học "*Introduction of Management*" (*Quản trị học*) cho Chương trình Cử nhân liên kết quốc tế giữa trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Đại học Victoria Of Wellington, New Zealand từ năm 2016 đến nay.

- Với các chương trình cao học liên kết: Tôi giảng hoàn toàn bằng tiếng Anh môn học “*Brand Management*” (*Quản trị thương hiệu*) cho Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh từ năm 2014 đến 2015; Môn học “*Marketing Management*” (*Quản trị marketing*) và “*Strategic Marketing*” (*Marketing chiến lược*) cho Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Viện Đào tạo quốc tế, Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh, từ năm 2014 đến nay; Môn học “*Marketing Management*” (*Quản trị marketing*) cho Chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Viện Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh từ năm 2016 đến nay.

- Với các chương trình đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn: Tôi đã thực hiện một số chuyên đề ngắn hạn về phương pháp nghiên cứu, về viết bài báo và xuất bản quốc tế cho Học viện chính trị khu vực IV, Đại học Quy Nhơn, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

* **Về nghiên cứu khoa học**: Xác định nghề giảng viên là giảng dạy và nghiên cứu khoa học song hành, tôi luôn chú trọng và dành nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học. Tôi luôn chủ động tìm tòi, nghiên cứu các hướng mới và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ KH&CN được Trường, Khoa, Bộ môn giao phó. Tôi tích cực tham gia và chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp khác nhau. Tôi đã viết và công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín, xếp hạng cao trong nước và quốc tế đồng thời tham gia nhiều hội nghị, hội thảo. Hiện tại tôi là thành viên hội đồng khoa học cho hội nghị quốc tế Connect-us conference. Tôi thường xuyên làm phản biện cho các tạp chí thuộc danh mục SSCI như: *Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics*; *Asian Journal of Technology Innovation*, cũng như tạp chí khoa học trong nước như: *Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á* (JABES) cả bản tiếng Anh và tiếng Việt. Hàng năm, số giờ nghiên cứu khoa học của tôi vượt định mức từ 2-3 lần. Nhờ đạt được những thành tích nhất định trong nghiên cứu khoa học, tôi đã được nhận được giấy khen của Hiệu trưởng Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cho thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm 2016-2017; giấy khen của Hiệu trưởng về thành tích xuất sắc trong công bố quốc tế năm 2018; đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở trong 03 năm liên tục (từ 2016 đến 2018).

* **Về sức khỏe**: Tôi có sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu của công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Căn cứ vào Điều 70 và Điều 72 trong Luật Giáo dục về Nhà giáo và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thấy mình có đầy đủ các tiêu chuẩn và luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 16 năm nghiên cứu và giảng dạy, trong đó 11 năm thâm niên đào tạo (từ 2003 đến 2014) tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 1,5 năm tại Trường Đại học Việt Đức, và 4 năm vừa qua tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Cụ thể 03 năm ở Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh và 04 năm cuối tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tôi đã thực hiện giảng dạy và hướng dẫn với các thông tin như sau:

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS (số giờ)	HD đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2005-2006	0	0	0	5 sinh viên	224	0	348
2	2006-2007	0	0	0	5 sinh viên	272	0	449
3	2007-2008	0	0	0	5 sinh viên	351	0	653
4	2015	0	0	609	0	0	195	804
3 năm học cuối								
5	2016	0	0	974	136,6 giờ	348	303,75	1762,35
6	2017	70	175	40	273 giờ	540	322,5	1420,5
7	2018	35	200	60	88 giờ	240	225	848

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) **Được đào tạo ở nước ngoài** :

- Học TS (Học hoàn toàn bằng tiếng Anh); Tại nước: Đài Loan; Từ năm 2008 đến năm 2013.

- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: Đài Loan; Năm 2013.

b) **Được đào tạo ngoại ngữ trong nước** :

- Học Thạc sĩ Chương trình cao học Việt Nam-Hà Lan (học hoàn toàn bằng tiếng Anh); Tại nước: Việt Nam; Từ năm 2001 đến năm 2003.

- Bảo vệ luận văn ThS ; Tại nước: Việt Nam; Năm 2003.

c) **Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài** :

- *Giảng viên toàn thời gian (Full-time Senior Lecturer) cho Trường Đại học Việt Đức* (Đại học quốc tế công lập giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh) từ tháng 4/2014 đến tháng 7/2015.

- Hiện tại giảng dạy bằng tiếng Anh cho các chương trình:

* Chương trình Cử nhân tài năng, cao học chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Viện Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

* Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Western Sydney, Úc liên kết với Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

* Chương trình Cử nhân thương mại liên kết quốc tế giữa Đại học Victoria of Wellington, New Zealand và Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

* Hướng dẫn học viên cao học Quản trị kinh doanh, Viện Đào tạo Quốc tế viết luận văn bằng tiếng Anh.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Ngô Ngọc Quyền Vân		√	√		2014	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2015/ Số: 2663/QĐ-ĐHKTVSDH
2	Hoàng Thị Bích Chi		√	√		2014	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2015/ Số: 2560/QĐ-ĐHKTVSDH
3	Trần Quế Khanh		√	√		2014	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2015/ Số: 2560/QĐ-ĐHKTVSDH
4	Phạm Ngọc Tường Loan		√	√		2014	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2015/ Số: 2560/QĐ-ĐHKTVSDH
5	Đinh Thị Mai Trang		√	√		2014	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2015/ Số: 2560/QĐ-ĐHKTVSDH
6	Ngô Trọng Trung		√	√		2014	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2015/ Số: 2560/QĐ-ĐHKTVSDH
7	Đỗ Thị Lan Hương		√	√		2014	ĐH NL TP.HCM	2017/ Số: 241/QĐ-ĐHNL-SĐH
8	Đỗ Thị Lan Phương		√	√		2014	ĐH NL TP.HCM	2017/ Số: 241/QĐ-ĐHNL-SĐH

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
9	Lưu Chí Nhân		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2016/ Số: 655/QĐ-ĐHKT-VSĐH
10	Nguyễn Huỳnh Hoài Bình		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2016/ Số: 2503/QĐ-ĐHKT-VSĐH
11	Cao Mỹ Anh		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2016/ Số: 2504/QĐ-ĐHKT-VSĐH
12	Trần Thị Lan		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2016/ Số: 2504/QĐ-ĐHKT-VSĐH
13	Lê Thái Bảo		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2017/ Số: 1679/QĐ-ĐHKT-VSĐH
14	Nguyễn Thị Hân		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2017/ Số: 1679/QĐ-ĐHKT-VSĐH
15	Trương Kim Ngân		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2016/ Số: 656/QĐ-ĐHKT-VSĐH
16	Trương Dương Tâm		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2016/ Số: 656/QĐ-ĐHKT-VSĐH
15	Nguyễn Thị Thanh Tâm		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2017/ Số: 1679/QĐ-ĐHKT-VSĐH
16	Tạ Thị Diệp Tân		√	√		2015	Viện ĐTQT, ĐH KT TP.HCM	2017/ Số: 1679/QĐ-ĐHKT-VSĐH
17	Trương Ngọc Phương Thanh		√	√		2015	ĐH NL TP.HCM	2016/ Số: 21/QĐ-ĐHNL-SĐH
18	Nguyễn Thị Bích Liên		√	√		2015	ĐH NL TP.HCM	2016/ Số: 3357/QĐ-ĐHNL-SĐH
19	Nguyễn Hoàng Yến		√	√		2015	ĐH NL TP.HCM	2016/ Số: 3357/QĐ-ĐHNL-SĐH
20	Lê Văn Hải		√	√		2016	ĐH KT TP.HCM	2017/ Quyết định số: 520/QĐ-ĐHKT-VSĐH
21	Đồng Thị Hiền		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2016/ Số: 3358/QĐ-ĐHNL-SĐH
22	Lê Thị Mỹ Hạnh		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2017/ Số: 253/QĐ-ĐHNL-SĐH

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
23	Nguyễn Hồng Anh		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2016/ Số: 3358/QĐ-ĐHNL-SĐH
24	Đình Văn Phúc		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2017/ Số: 253/QĐ-ĐHNL-SĐH
25	Đoàn Thị Thu Hà		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2017/ Số: 253/QĐ-ĐHNL-SĐH
26	Phú Thị Hồng Duyên		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2018/ Số: 3370/QĐ-ĐHNL-SĐH
27	Đoàn Thị Ngọc Hạnh		√	√		2016	ĐH NL TP.HCM	2018/ Số: 1468/QĐ-ĐHNL-SĐH
28	Nguyễn Hồng Quang		√	√		2016	ĐH KT TP.HCM	2017/ Quyết định số: 2257/QĐ-ĐHKT-VSĐH
29	Thân Như Diệu		√	√		2016	ĐH KT TP.HCM	2017/ Quyết định số: 2257/QĐ-ĐHKT-VSĐH
30	Hà Xuân Dương		√	√		2016	ĐH KT TP.HCM	2017/ Quyết định số: 2257/QĐ-ĐHKT-VSĐH
31	Trần Trung Kiên		√	√		2017	ĐH NL TP.HCM	2018/ Số: 1468/QĐ-ĐHNL-SĐH
32	Lê Thị Trà My		√	√		2018	ĐH NL TP.HCM	2018/ Số: 3371/QĐ-ĐHNL-SĐH
33	Nguyễn Bảo Phúc		√	√		2018	ĐH NL TP.HCM	2018/ Số: 3371/QĐ-ĐHNL-SĐH
34	Bùi Thị Hiền		√	√		2017	ĐH KT TP.HCM	2019/ Quyết định số: 99/QĐ-ĐHKT-VSĐH
35	Dương Thạch Thảo		√	√		2017	ĐH KT TP.HCM	2019/ Quyết định số: 99/QĐ-ĐHKT-VSĐH

Ghi chú: Viện ĐTQT: Viện Đào tạo quốc tế; ĐH NL TP.HCM: Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh; ĐH KT TP.HCM: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

Tôi đã biên soạn hoặc tham gia biên soạn **09** cuốn sách sau đây:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận sử dụng của CSGDDH
A. Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ						
1.	Bases for Territory-Based Rural Development in Vietnam	CK	Revista de Fomento Social, 2007	25	Đồng tác giả, biên soạn từ trang 127-146 (chương 3, mục 3.4)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
2.	Cơ sở phát triển nông thôn theo vùng ở Việt Nam	CK	AIDA, Ayuda, Intercambio y Dessarollo	25	Đồng tác giả, biên soạn từ trang 124-144 (chương 3, mục 3.4)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
3.	Bases for territory – based rural development in southeast region, Vietnam	CK	VNU-HCM Publisher, 2008	14	Đồng tác giả, biên soạn từ trang 171-185 (chương 3, mục 3.9)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
4.	Cơ sở phát triển nông thôn theo vùng tại Vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam	CK	NXB Đại học Quốc gia TP HCM	14	Đồng tác giả, biên soạn từ trang 163-174 (chương 3, mục 3.9)	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
5.	Cạnh tranh trong tuyển chọn nhân lực	CK	NXB Thông tin và Truyền thông, 2011	13	Đồng tác giả, Biên soạn từ trang 184-227 (chương 4, mục 4.2); và trang 255-261 (chương 53, mục 5.3)	Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện CTQG HCM
B. Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ						
6.	Nghiên cứu định lượng với mô hình phương trình cấu trúc theo hướng tiếp cận bình phương nhỏ nhất từng phần (PLS-SEM)	TK	NXB Kinh tế TP. HCM, 2019	01	Một mình	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
7.	Marketing xanh: Lý luận và thực tiễn	CK	NXB Kinh tế TP. HCM, 2019	02	Chủ biên, viết từ chương 2 đến chương 4 (trang 31-176), từ chương 6 đến chương 7 (trang 199-258)	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Xác nhận sử dụng của CSGDDH
8.	Tài sản thương hiệu định hướng khách hàng của ngân hàng thương mại: Các thành tố lý thuyết và thực tiễn ứng dụng tại Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019	09	Đồng chủ biên, từ trang 21-50, Chương 1; từ trang 178-212 Chương 2; và các phụ lục từ trang 266-268	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
9.	Phân phối bình đẳng các nguồn lực kinh tế: tiếp cận lý luận và thực tiễn ở một số quốc gia	CK	Nhà Xuất Bản Chính trị Quốc gia, năm 2014	11	Đồng tác giả, Biên soạn từ trang 52-86 (chương 2, mục I); và trang 205-217 (chương 4, mục III)	Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện CTQG HCM

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; TK: sách tham khảo.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên đề tài khoa học và công nghệ	CN/PCN /TK/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
Các công trình đã nghiệm thu sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ					
1.	Nghiên cứu trạng thái cảm xúc tiêu cực và tác động đến hành vi sau mua của khách du lịch ở Việt Nam	CN	B2017-KSA-16, Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	24 tháng	24/4/2019
2.	Idiosyncratic coping strategies of consumers feeling regret, anger and frustration after service failure: An evidence from the restaurant industry	CN	CS-2017-27, Cấp cơ sở, ĐH KT TP.HCM	12 tháng	8/08/2018
3.	Nghiên cứu tài sản thương hiệu định hướng khách hàng cho các ngân hàng thương mại Việt Nam	TV	B2015.06.28, Cấp Bộ, Bộ GD & ĐT	24 tháng	05/02/2018
4.	Nhánh 6: “Nguy cơ (nguyên nhân) ảnh hưởng đến an ninh tài chính – tiền tệ Việt Nam giai đoạn 2006-2013” và các năm tiếp theo	TV	Nhánh 6 thuộc Đề tài cấp Nhà nước KX 01.15/11-15 “An ninh Tài chính – Tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”	15 tháng	24/4/2015

TT	Tên đề tài khoa học và công nghệ	CN/PCN /TK/TV	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
5.	Tương quan nhà nước và thị trường trong vận hành nền kinh tế theo quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới: Giá trị khoa học và những điều chỉnh mới trong bối cảnh những thập niên đầu thế kỷ XXI	TV	III.2-2011.8, NAFOSTED, Bộ KH&CN	24 tháng	01/11/2014
6.	Exploring consumer perception of green innovations' consumption values and costs in an emerging economy	TV	Đề tài hàn lâm, ĐH KT TP.HCM	24 tháng	27/02/2019

Các chữ viết tắt: CN: Chủ nhiệm; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

Tôi đã công bố **45** nghiên cứu trên các tạp chí và kỷ yếu khoa học quốc tế và trong nước:

a. Trước khi bảo vệ luận án TS: Tổng cộng **05** bài

- Tạp chí danh mục SSCI: **4**
- Các tạp chí khác: **1**

b. Sau khi bảo vệ luận án TS: Tổng cộng **40** bài

- Tạp chí danh mục SSCI: **6**
- Tạp chí danh mục Scopus: **4**
- Tạp chí quốc tế khác: **4**
- Tạp chí trong nước: **13**
- Hội thảo quốc tế/hội thảo quốc gia: **13**

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)*	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố	Ghi chú: Mức độ đóng góp cho bài báo
I. Trước khi bảo vệ Luận án Tiến sĩ									
I.1 Tạp chí SSCI									
1.	The Glocalisation of Channels of Distribution: A Case Study	4	Management Decision	Scopus Q1; SSCI, Impact factor 2017: 1.525	15	50(3)	521-538	2012	Thành viên, đóng góp 25%
2.	Social Media Usage and Work Values: The Example of Facebook in Taiwan	4	Social Behavior and Personality	SSCI, Impact factor 2016: 0.548	22	40(2)	195-200	2012	Thành viên, đóng góp 25%

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)*	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố	Ghi chú: Mức độ đóng góp cho bài báo
3.	Brand Extension: Using Parent Brand Personality as Leverage	4	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, Impact factor 2017: 1.204	17	24(4)	599-618	2012	Tác giả chính (First & corresponding author)
4.	Mobility Value of Internet Services in a Wireless City: The Case of Taipei, Taiwan	4	Asian Journal of Technology Innovation	SSCI, Impact factor 2017: 0.845	1	20(1)	51-65	2012	Tác giả chính (First & corresponding author)
I.2	Tạp chí quốc tế khác								
5.	Exploring the factors favoring mCommerce adoption among Indian MSMEs: A TOE perspective	4	Tunghai Management Review	Online tại http://readopac1.ncl.edu.tw/nclJournal/search/summy_list.jsp?sysId=0006660717&dtId=000040		13(1)	147-188	2011	Thành viên, đóng góp 25%
II.	Sau khi bảo vệ Luận án Tiến sĩ								
II.1	Tạp chí danh mục SSCI								
6.	A Meta-Analytic Review of Influence Strategies in Marketing Channel Relationships	3	Journal of the Academy of Marketing Science	SSCI, Impact factor 2017: 8.488	4	46(4),	674-702	2018	Tác giả chính (do công trình được phát triển từ Luận án TS). Mức đóng góp 65% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)
7.	Behavioral implications of International Social Media Advertising-An Investigation of Intervening and Contingency Factors	4	Journal of International Marketing	SSCI, Impact factor 2017: 3.600	3	26(2)	43-61	2018	Đóng góp 45% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)
8.	Heterogeneity in a Dual Personal Values-Dual Purchase Consequences-Green Consumption Commitment Framework	4	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, Impact factor 2017: 1.204		31(2)	480-498	2019	Tác giả chính (First & corresponding author). Đóng góp 75% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)
9.	Forces Affecting Perception of Product Comments on Social-WOM: An Interactive, Relational Communication Perspective	5	Journal of Consumer Behaviour	SSCI, Impact factor 2017: 1.67		17(4)	393-406	2018	Tác giả chính (First & corresponding author). Đóng góp 55% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)*	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố	Ghi chú: Mức độ đóng góp cho bài báo
10.	Social Media Advertising Value: The Case of Transitional Economies in Southeast Asia	4	International Journal of Advertising	SSCI, Impact factor 2017: 2.494	82	33(2)	271-294	2014	Tác giả chính, đóng góp 60% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)
11.	Corporate Rebranding and Brand Preference: Brand Name Attitude and Product Expertise as Moderators	4	Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics	SSCI, Impact factor 2017: 1.204	9	26(4)	602-620	2014	Tác giả chính (First & corresponding author). Đóng góp 65% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)
II.2 Tạp chí danh mục Scopus									
12.	The Behavioral Consequences of Regret, Anger and Frustration in Service Settings	2	Journal of Global Marketing	Scopus Q2		Online at: https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/08911762.2019.1628330?journalCode=wgl020		2019	Tác giả đầu (First author) Đóng góp 80% (Có chứng nhận đồng ý của các đồng tác giả)
13.	The Exercise of Power Sources in Distribution Channels: A Synthesis Study	3	Journal of Empirical Generalisations in Marketing Science	Scopus Q4		18(1)	1-11	2018	Tác giả chính (First & corresponding author)
14.	The Impact of Social Media on Consumer Behavior: The Case of Consumer-Generated Content on YouTube	2	International Journal of Information and Management Science	Scopus Q3		29(3)	323-344	2018	Đóng góp 50%
15.	Attitudinal Ambivalence towards Green Products: An Empirical Study in an Emerging Market	4	International Journal of Economics and Business Research	Scopus Q3		Xuất bản https://www.inderscience.com/info/ingeneral/forthcoming.php?jcode=ijebr		2018	Tác giả chính (First & corresponding author)
II.3 Tạp chí quốc tế khác									
16.	Factors Affecting Mobile Shopping: a Vietnamese Perspective	3	Journal of Asian Business and Economic Studies	Nhà xuất bản Emerald DOI: 10.1108/JABES-05-2018-0012	2	25(2),	186-205	2018	Đóng góp 33%
17.	Knowledge Sharing and Knowledge Acquisition of Salespersons in Social Media Environments: A Social Capital Perspective	1	Business & Social Sciences Journal (P-ISSN: 2518-4598; E-ISSN: 2518-4555)	Online tại http://www.bssj-re.com/journalslist.php		4(1)	81-103	2019	Đóng góp 100%

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)*	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố	Ghi chú: Mức độ đóng góp cho bài báo
18.	Determinants of Bank Profitability: The Case of Commercial Banks listed on the Vietnam's Stock Exchange	3	Journal of Business Science (P-ISSN: 2521-5620; E-ISSN: 2521-5302)	Online tại https://www.jbs-re.com/archivedlist.php?cmd=search&x_Issue=11&x_Volume=1		1(2)	1-12	2017	Đóng góp 33%
19.	Fintech for Promoting Financial Inclusion in Vietnam: Fact Findings and Policy Implications	2	Business & Social Sciences Journal(P-ISSN: 2518-4598; E-ISSN: 2518-4555)	Online tại http://www.bssj-re.com/archivedlist.php?cmd=search&x_Issue=12&x_Volume=3		3(1)	12-20	2018	Đóng góp 50%
II.4 Tạp chí trong nước									
20.	Cảm xúc tiêu cực của du khách nước ngoài khi đến Việt Nam: nguyên nhân và hậu quả về mặt hành vi	1	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			264	66-76	2019	Đóng góp 100%
21.	Chiến lược marketing bền vững cho các doanh nghiệp: Mô hình khái niệm dựa trên lý thuyết nguồn lực và lý thuyết các bên liên quan	1	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế			Đã được chấp nhận (có minh chứng)		2019	Đóng góp 100%
22.	Động cơ và kết quả của hành vi mua sắm trên mạng xã hội trực tuyến tại Việt Nam	3	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			261	40-49	2019	Đóng góp 33%
23.	Mở rộng lý thuyết hành vi dự định để giải thích ý định sử dụng thương mại di động tại Việt Nam	2	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			247	81-90.	2018	Đóng góp 50%
24.	Giá trị cảm nhận, chất lượng mối quan hệ và động cơ truyền miệng của du khách	3	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			258	63-73	2018	Đóng góp 33%
25.	Nghiên cứu về cảm xúc tiêu cực và hành vi đối phó của khách hàng: Trường hợp ngành kinh doanh dịch vụ nhà hàng	2	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES)			29(1),	21-37	2018	Đóng góp 50%
26.	Vai trò của quy chuẩn trong việc giải thích hành vi tham gia mua sắm xã hội trực tuyến	3	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			252	47-56	2018	Đóng góp 33%
27.	Mua sắm xã hội trực tuyến: Vai trò của động cơ xã hội	2	Tạp chí Kinh tế & Phát triển			245	58-67	2017	Đóng góp 50%

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)*	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố	Ghi chú: Mức độ đóng góp cho bài báo
28.	Mối quan hệ giữa cảm xúc với điểm đến và chất lượng quan hệ trong kinh doanh du lịch: Trường hợp du khách nội địa ở TP. Hồ Chí Minh	2	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES)			28(12)	22-40	2017	Đóng góp 50%
29.	Affective and Instrumental Commitment: A Special Reference to Self-Service Technologies in Domestic and Foreign Banks	2	Journal of Development Economics			23(2)	137-160	2016	Đóng góp 50%
30.	Hành vi truyền miệng của du khách: Vai trò của chất lượng dịch vụ, tình cảm và hài lòng	2	Tạp chí Khoa học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng			7 (01)	80-91	2019	Đóng góp 50%
31.	Động cơ xã hội trong hoạt động mua sắm xã hội trực tuyến	3	Chuyên san Kinh tế - Luật và Quản lý			5 (1)	32-42	2017	Đóng góp 33%
32.	Mối quan hệ giữa đánh giá mang tính ác cảm, cảm xúc tiêu cực và hành vi tẩy chay hàng hóa xuất xứ Trung Quốc	3	Tạp chí Khoa học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng			5 (04)	71-87	2017	Đóng góp 33%

III. Hội thảo/ hội nghị quốc tế và quốc gia

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm	Địa điểm
III.1	Hội thảo/ hội nghị quốc tế							
33.	Dual Personal Culture Values, Dual Attitudes Towards Purchase Consequences, and Green Consumption Commitment: Evidence from Vietnam	4	Marketing at the Confluence between Entertainment and Analytics. Developments in Marketing Science	Springer	Proceedings of the 2016 Academy of Marketing Science (AMS) World Marketing Congress (Print ISBN 978-3-319-47330-7; online ISBN: 978-3-319-47331-4)	1253-1259	2017	France, 19-23/7/2016

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm	Địa điểm
34.	Customers' Affective and Instrumental Commitment: A Special Reference to Self-Service Technologies in Domestic versus Foreign Banks	4	Creating Innovation in Business Transformation	RED publishing partner	APMBA International Conference on Management and Business Sciences. (ISBN: 978-603-7677-64-7)	73-81	12/2014	Indonesia, 11-12/12/2014
35.	Determinants of Operational Self-Sustainability of Microfinance Institutions in Vietnam	4	Accounting, Auditing, and Finance in the Digital Age	National Economics University Publishing House	The International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ISBN: 978-604-946-498-0, Publishing register No. 4307-2018/CXBIPH/02-533/ĐHKQTĐ)	666-680	2018	Hanoi, 23/11/2018
36.	Ambivalent Attitude towards Green Products: Evidence from Vietnam	2	Policies and Sustainable Economic Development	UEH Publishing House	In ICUEH 2017 International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (ISBN: 978-604-922-568-0. Publishing registration No. 2999-2017/ CXBIPH/01-20/KTTPHCM)	319-341	2017	HCM City, 28/9/2017
37.	Entrepreneurial Enablers, Risk Perception, Motivational Factors and Behavioral Intention: Evidence from Vietnam	4	Policies and Sustainable Economic Development	UEH Publishing House	In ICUEH 2017 International Conference of University of Economics Ho Chi Minh City (ISBN: 978-604-922-568-0. Publishing registration No. 2999-2017/ CXBIPH/01-20/KTTPHCM)	119-136	2017	HCM City, 28/9/2017
III.2 Hội thảo/ Hội nghị quốc gia								
38.	Chính phủ quản lý điện tử đối với doanh nghiệp ở Việt Nam: Mô hình lý thuyết, thực trạng và giải pháp	2	Nền kinh tế số trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông	Hội thảo Khoa học Quốc gia, Đại học Kinh tế TP. HCM (Mã ISBN: 978-604-80-3565-5; Số quyết định xuất bản: 4487 – 2018/CXBIPH/2 – 206/TTTT)	3-16	2018	TP. HCM, 3/12/2018
39.	Tác động của Fintech tới nghiệp vụ và quản trị ngân hàng tại Việt Nam	4	Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những đổi mới trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân	Hội thảo Khoa học Quốc gia (Mã số ISBN: 978-604-946-449-2, Mã số ĐKXB: 1748-2018/CXBIPH/1-255/ĐHKQTĐ)	20-35	2018	Hà Nội, 12/6/2018
40.	Khoa học – Công nghệ - Đổi mới và phát triển kinh tế: Kinh nghiệm và một số bài học cho Việt Nam	2	Mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (STI)	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Hội thảo Khoa học Quốc gia (ISBN: 978-604-922-616-8, Số quyết định ĐKXB: 150-2018/CXBIPH/03-01/KTTPHCM)	233-260	2017	TP. HCM, 12/2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Chủ đề hội thảo	Nhà xuất bản	Loại hội thảo/Số ISBN	Số trang	Năm	Địa điểm
41.	Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến đời sống xã hội và dịch chuyển cơ cấu nguồn nhân lực	3	Nhu cầu nhân lực cho phát triển trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những đáp ứng của giáo dục đại học Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia (ISBN – 978-604-922-677-9)	181-189	2018	TP. HCM, 23/11/2018
42.	Nghiên cứu mối quan hệ giữa các nhân tố thúc đẩy khởi nghiệp, nhận thức rủi ro, và hành vi có chủ định để trở thành nghiệp chủ	3	Khởi nghiệp tại Việt Nam: Cơ hội và Thách thức trong thời kỳ hội nhập	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia (ISBN: 978-604-922-383-9, Số quyết định ĐKXB: 2821-2016/CXBIPH/03-26/KTTPHCM)	164-178	2016	TP. HCM, 17/6/2016
43.	Mối quan hệ giữa ác cảm và hành vi tẩy chay hàng hóa xuất xứ Trung Quốc	3	Hội thảo khoa học Doanh nghiệp Việt Nam trong TPP (ICYREB2016)	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Hội thảo Khoa học (ISBN: 978-604-922-422-5, Số quyết định ĐKXB: 3859-2016/CXBIPH/03-35/KTTPHCM)	1191-1204	2016	TP. HCM, 16/11/2016
44.	Truyền thông xã hội và hành vi người tiêu dùng trong lĩnh vực du lịch	4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch: Xu hướng và giải pháp đón đầu trước hội nhập ngành du lịch Việt Nam	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Hội thảo Khoa học (ISBN: 978-604-922-510-9, Số quyết định ĐKXB: 1603-2017/CXBIPH/01-11/KTTPHCM)	31-46	2017	TP. HCM, 26/5/2017
45.	Chiến lược Marketing xanh: Mô hình phân tích tổng thể về nguồn lực và hiệu quả	3	Tăng trưởng xanh trong thời kỳ toàn cầu hóa	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Hội thảo Khoa học (ISBN: 978-604-922-020-3, Số đăng ký: 1439-2013/CXB/01-11/KTTPHCM)	219-231	2013	TP. HCM, 15/10/2013

Ghi chú: *do UV chỉ thu thập được chỉ số IF/Q công bố mới nhất của các tạp chí thuộc danh mục SSCI/Scopus.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Tôi tham gia **biên soạn, tư vấn xây dựng và đổi mới nhiều chương trình đào tạo đại học và sau đại học** của trường như: Rà soát, đổi mới chương trình đào tạo Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh năm 2017; Xây dựng chương trình cử nhân chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh của Khoa Quản trị năm 2018; Rà soát, xây dựng chương trình cao học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng của Khoa Quản trị năm 2018. Trong quá trình tham gia xây dựng chương trình đào tạo, tôi luôn **cập nhật các**

môn học theo chương trình trong top 15 trường đại học hàng đầu thế giới, cũng như biên soạn đề cương chi tiết cho một số môn học.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín: **Không**

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2019
Người đăng ký

TS. Lê Nhật Hạnh

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận:

TS. Lê Nhật Hạnh có thâm niên 16 năm công tác nghiên cứu và giảng dạy, trong đó 11 năm thâm niên đào tạo tại Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh, 1,5 năm tại Trường Đại học Việt Đức, và 4 năm vừa qua tại Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Trong khoảng thời gian trên, ứng viên đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý Bộ môn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2019

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH



HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. NGUYỄN ĐÔNG PHONG